

Working Paper 2022.1.2.14
- Vol 1, No 2

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM ĐẾN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CỦA SINH VIÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thu Hằng¹, Niê Nguyễn Hải Vy, Lê Đàm Hồng Thọ, Nguyễn Khánh Vy, Thi Hoàng Anh

Sinh viên K60CLC1 – Quản trị kinh doanh quốc tế

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lê Thị Xuân Sang

Giảng viên Bộ môn Khoa học Cơ bản

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Kỹ năng tư duy phản biện là một trong những kỹ năng thiết yếu, đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số và công nghệ tân tiến, nơi hiện diện nguy cơ rằng robot sẽ thay thế con người trong môi trường làm việc. Tư duy phản biện là công cụ giúp sinh viên suy nghĩ một cách có hệ thống, đưa ra những quyết định đúng đắn, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề và thúc đẩy sự sáng tạo. Trong khi tư duy phản biện được quan niệm là kỹ năng vốn sẵn có của các nước phương Tây, sinh viên châu Á hay sinh viên Việt Nam nói riêng thì được cho là thiếu kỹ năng quan trọng này. Mục đích của bài báo là nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên khảo sát của nhóm về nhận thức của sinh viên về mối quan hệ giữa yếu tố văn hóa và kỹ năng tư duy phản biện. Cuối cùng, bài báo đính chính lại các định kiến về sự vắng mặt của tư duy phản biện ở nhóm sinh viên này, từ đó đề xuất một số cách sinh viên có thể làm để cải thiện kỹ năng tư duy phản biện.

Từ khóa: sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh, giáo dục bậc cao, tư duy phản biện, văn hóa.

THE INFLUENCE OF VIETNAMESE CULTURE ON THE CRITICAL THINKING ABILITIES OF UNDERGRADUATES IN HO CHI MINH CITY

Abstract

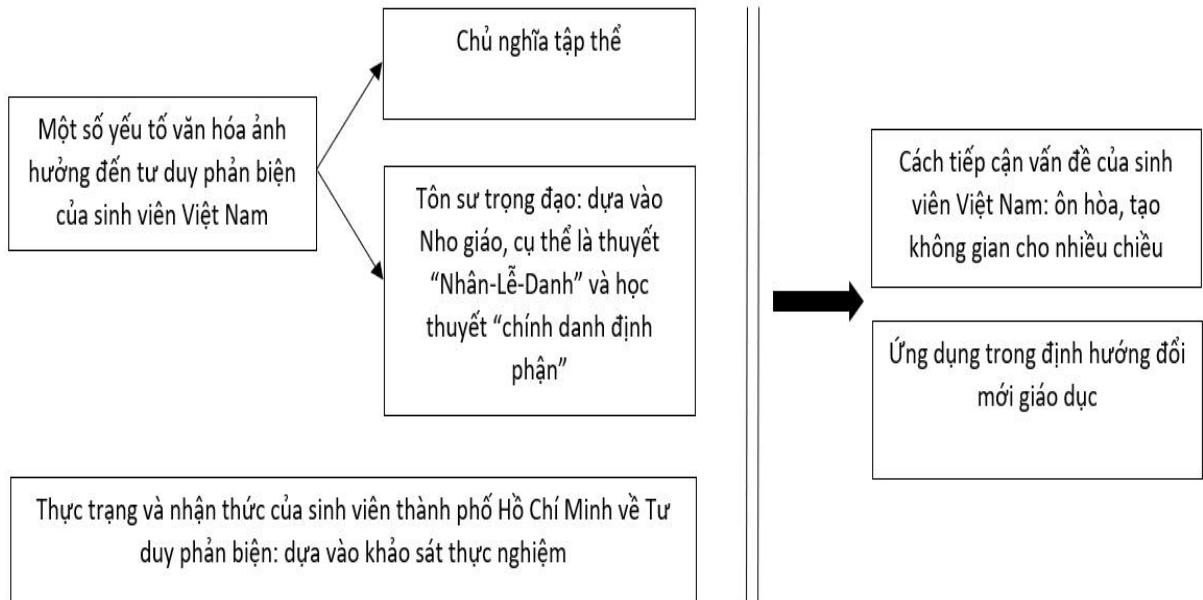
Critical thinking skill is one of the most indispensable skills that are required in this age of information and cutting-edge technology where there exists the fear that robots will substitute for humans in the workplace. Critical thinking gives the students tools to think constructively, make more informed decisions, enhance problem-solving skills, and promote creativity. Whereas the West is argued to have been at the forefront of humanity's evolution and critical thinking is their implicit cultural trait, Asian students or Vietnamese students, in particular, are depicted as lacking this important skill. This article will explore the cultural factors that are responsible for Saigoneses students' critical thinking skill development based on a survey implemented on Ho

¹ Tác giả liên hệ, Email: thuhangle01052003@gmail.com

Chi Minh city in quest for the awareness of students about the relationship between critical thinking skill and culture. Finally, this paper offers a rectification of the misconception that critical thinking skill is absent among this group of students, then suggests in what way a student can improve his personal critical thinking skill.

Keywords: Ho Chi Minh city students, higher education, critical thinking, culture.

1. Đặt vấn đề:



Hình 1. Khung lý thuyết

Nguồn: Nhóm tác giả

Tư duy phản biện được xem là một kỹ năng cốt lõi của giáo dục đại học, đặc biệt trong thời đại ngày nay. Tư duy phản biện luôn chiếm một vị trí quan trọng trong danh sách các kỹ năng được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Điều đó thúc đẩy nhiều nghiên cứu khoa học xoay quanh chủ đề Tư duy phản biện nhằm nâng cao năng lực tư duy phản biện của học sinh và sinh viên.

Ở Việt Nam, tư duy phản biện đang được mọi người, đặc biệt là sinh viên, học sinh quan tâm và tìm hiểu nhiều vài năm trở lại đây. Vì vậy, dù không phải là một đề tài mới trên thế giới, ở Việt Nam lại không có nhiều đề tài khoa học đi sâu vào việc phân tích và nghiên cứu về Tư duy phản biện. Bên cạnh đó, mặc dù là một kỹ năng cơ bản, cách tiếp cận, nhìn nhận và hướng phát triển của kỹ năng này đối con người ở mỗi quốc gia khu vực và vùng lãnh thổ khác nhau vẫn có những sự khác biệt nhất định. Sự khác biệt đó đến từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm cả yếu tố văn hóa.

Nhận thấy rằng việc nghiên cứu sự khác biệt đến từ các yếu tố văn hóa, tác động đến sự phát triển của tư duy phản biện là cần thiết để giúp các học sinh, sinh viên tiếp cận sâu hơn với tư duy phản biện, bài báo này sẽ tiến hành phân tích những yếu tố về văn hóa có ảnh hưởng đến kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đưa ra kết luận và kiến nghị phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tư duy phản biện: định nghĩa và vai trò

Mặc dù là chủ đề đã xuất hiện nhiều trong các cuộc tranh luận, các bài báo khoa học, các diễn đàn quốc tế, song đến nay, vẫn chưa có một khái niệm nào được công nhận là chuẩn xác và duy nhất cho Tư duy phản biện. Tư duy phản biện theo National Council for Excellence in Critical Thinking (1987) định nghĩa là sự hình thành những đánh giá, phân tích nhằm định hướng cho các hành động và niềm tin cá nhân, thông qua một quá trình rèn luyện và phát triển tư duy có kỷ luật. Hay như J.Dewey (1859-1952), nhà triết học, tâm lý học, giáo dục học người Mỹ, tư duy phản biện là việc xem xét niềm tin, một giả định khoa học một cách toàn diện dựa trên sự suy xét, liên tưởng liên tục, cân trọng đi kèm với những lý lẽ và bằng chứng hợp lý. Nhìn chung, tư duy phản biện hướng đến việc phân tích và hiểu rõ một vấn đề, dùng góc nhìn khách quan kết hợp với những lập luận logic dựa trên các thông tin xác thực, với mục tiêu tìm kiếm bản chất và cải thiện chất lượng của vấn đề đó.

Tư duy phản biện được đánh giá là một trong những năng lực cần thiết hàng đầu đối với mọi cá nhân nhằm hướng đến cách giải quyết tối ưu cho những vấn đề trong đời sống, xã hội. Bên cạnh đó, tư duy phản biện cũng vô cùng quan trọng trong môi trường giáo dục mang tính chất toàn cầu. Năng lực này giúp thúc đẩy quá trình tiếp thu kiến thức của sinh viên, những hoạt động giáo dục của giảng viên và các nhà nghiên cứu được hiệu quả hơn (Nguyễn Thị Hòa, 2017). Tầm quan trọng của tư duy phản biện cũng được nhắc tới là một khía cạnh năng lực không thể thiếu mà mọi công dân cần có để tham gia vào một xã hội dân chủ và đa nguyên (Dam và Volman, 2004), và là kỹ năng quan trọng thứ 2 mà những công dân thời đại mới cần lĩnh hội (Nghiên cứu của Diễn đàn kinh tế Thế giới, 2020)

2.2. Văn hóa phương Đông và những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam

2.2.1. Khái quát

Vai trò quan trọng của tư duy phản biện là động lực chủ chốt trong việc thúc đẩy thực hiện các nghiên cứu về tư duy phản biện ở nhiều khía cạnh. Từ những nghiên cứu đó, người ta có thể tìm hiểu và tìm cách nâng cao năng lực này ở con người. Trong đó, mối liên hệ giữa văn hóa và năng lực tư duy phản biện đã được đưa ra nghiên cứu và thu hút được không ít sự quan tâm, về việc liệu sự hình thành lối tư duy phản biện của các xã hội có nền văn hóa khác nhau có bị ảnh hưởng bởi yếu tố văn hóa hay không. Và đó có phải là một yếu tố quan trọng.

Các nghiên cứu và các cuộc tranh luận trên các tài liệu, bài báo về chủ đề này thường chỉ ra sự khác biệt trong việc thể hiện năng lực này giữa sinh viên phương Tây và sinh viên châu Á. Cụ thể, sinh viên Đông Nam Á được đánh giá là học vẹt, thụ động và có xu hướng không đào sâu kiến thức “*do not engage in deep learning*” (Ballard, 1995; Mills, 1997). Mặc dù các biểu hiện như không chủ động đặt câu hỏi hay trả lời cũng có thể được nhận thấy ở một số học sinh phương Tây trong một môi trường giáo dục đa quốc gia (Kumaravadivelu, 2003), nhưng không có một cuộc tranh luận cụ thể nào về việc những biểu hiện này xuất phát từ đặc điểm của văn hóa phương Tây.

Sự khác biệt về lối tư duy này được cho là đến từ yếu tố văn hóa. Theo nghiên cứu của Hofstede, ông đã chỉ ra những đặc điểm khác nhau trong văn hóa giữa Đông Nam Á và phương

Tây. Theo ông, đặc trưng của nền văn hóa Đông Nam Á là khoảng cách quyền lực lớn, chủ nghĩa cá nhân thấp và mức độ chấp nhận rủi ro cao. Trong khi những đặc điểm đó hoàn toàn ngược lại với nền văn hóa ở phương Tây. Đó cũng chính là những đặc điểm dễ nhận ra của một nước Đông Nam Á - Việt Nam, đã tác động ít nhiều đến khả năng tư duy phản biện của người Việt.

2.2.2 Chủ nghĩa tập thể

Cụm từ chủ nghĩa tập thể đã có lịch sử khoảng 300 năm. Durkheim (1983) đã nêu lên “sự thống nhất về mặt cơ học” (mechanical solidarity) đây là từ có ý nghĩa khá tương đồng với chủ nghĩa tập thể căn bản. Vào giai đoạn đầu, Chủ nghĩa tập thể được tìm thấy ở triết học và tư tưởng ở lục địa châu Âu. Ví dụ, trong Jean-Jacques Rousseau’s *Du Contrat Social* (1762), sự tự nguyện phục tùng “ý chí chung” được đề xuất. Trong thời gian đầu của thế kỷ 19, nhà triết học người Đức Hegel đã xem nhà nước quốc gia là hiện thân cao nhất của đạo đức xã hội, và Karl Marx sau đó cũng đã đưa ra luận thuyết tập thể có sức ảnh hưởng. Ở phương Đông, lời dạy của Khổng Tử vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên đã nhấn mạnh đến đức tính, bao gồm lòng trung thành với bản chất thật của mình, luật nhân quả trong mối quan hệ giữa con người với con người, sự liêm khiết ngay thẳng và lòng hiếu thảo. Chính những đạo lý xã hội đó đã làm nền tảng cho thế giới quan của chủ nghĩa tập thể, được tìm thấy trong các tôn giáo và triết học phương Đông khác, chẳng hạn như Đạo giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo và Thần đạo. Các tôn giáo độc thần phát triển ở Trung Đông (Do Thái giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo) cũng nhấn mạnh đến lòng trung thành tập thể, mặc dù sự cải cách của Châu Âu trong Cơ đốc giáo sau đó đã nhấn mạnh đến trách nhiệm cá nhân. Do đó, Western (1985) cho rằng sự trỗi dậy của các tôn giáo lớn góp phần vào chủ nghĩa tập thể lớn hơn là các nhóm nông dân ít vận động, so với các nhóm du mục hữu linh hoặc săn bắn hái lượm.

Chủ nghĩa tập thể đến nay được nhắc đến như một hệ tư tưởng thể hiện những mối quan hệ hòa nhập chặt chẽ trong một xã hội bao gồm các gia đình và những thể chế, hội nhóm khác. Những thành viên thuộc cùng một nhóm luôn tuyệt đối trung thành và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau trong các mâu thuẫn, tranh chấp với các hội nhóm khác. Ngược lại, xã hội có tính cá nhân cao không có độ ràng buộc chặt chẽ và họ thường chỉ gắn kết với gia đình của mình. Xu hướng của họ là chú trọng chủ thể “tôi” hơn là “chúng tôi” (Hofstede, Geert. “Dimensionalizing Cultures: The Hofstede Model in Context”, Hofstede, Geert (1991). *Cultures and organizations: software of the mind*). Ngoài ra, một trong những giá trị căn bản và thiết yếu nhất trong nền văn hóa Việt Nam chính là tính tập thể (tính cộng đồng) (Đào Thị Phương, 2015). Nó khiến mọi người tránh gây chú ý bằng mâu thuẫn hay cố ý tỏ ra thông minh hơn những người khác. Cũng do lí do đó mà học sinh luôn cố gắng tiếp thu ý kiến lẫn nhau cũng như xây dựng một môi trường hòa thuận, có tính tương tác hơn là cạnh tranh. Hơn nữa, văn hóa Việt Nam còn mang “đặc trưng màu sắc nhân văn chủ nghĩa” thiên về duy tình (Hữu Đạt, 2000). Trong đời sống giao tiếp, ứng xử hàng ngày, người Việt thường hướng đến sự hài hòa, vui vẻ, đảm bảo sự đoàn kết nhất quán giữa các thành viên trong cộng đồng đó. Theo Hữu Đạt, đời sống văn hóa Việt mang “đặc trưng của một nền văn hóa có tính bản địa cao”. Mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi thế hệ luôn khắc sâu ghi nhớ về cộng đồng làng xã trong ý thức của mình. Chính vì vậy giá trị cộng đồng (community value) được đặt cao hơn giá trị cá nhân (individual value). Sự hy sinh quyền lợi cá nhân cho lợi ích của tập thể là điều thiết yếu để tạo nên sự hài hòa nhóm (group harmony). Tuy nhiên điều đó cũng là nguyên nhân chính dẫn đến ý thức cá nhân suy giảm hay thậm chí bị loại bỏ, giải quyết xung đột theo hướng được nhiều người ưng thuận nhất,

gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực tư duy phản biện cho mỗi cá nhân ở Việt Nam, làm cản trở những ý kiến đi ngược lại với đám đông - một trong những biểu hiện thường thấy ở những cá nhân có tố chất phản biện. Điều đó cũng khiến cho học sinh có xu hướng tiếp thu ý kiến lẫn nhau hơn là cạnh tranh hoặc nói lên ý kiến cá nhân.

“Mặt mũi” (face) hay thể diện của một cá nhân cũng là một nét văn hóa mang đặc trưng của chủ nghĩa tập thể và giá trị cộng đồng mà cá nhân đó gắn bó (Phạm Hồng Nhung, 2007), được xem trọng trong văn hóa phương Đông, và cũng chính là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng tư duy phản biện ở Việt Nam. Thể diện tức chỉ tư cách, danh dự của cá nhân, là cơ sở để người khác coi trọng mình khi tiếp xúc. Bản thân các học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục châu Á, trong đó có Việt Nam, cũng chú trọng vào việc tránh bất đồng và xung đột, đồng thời luôn muốn bảo vệ “mặt mũi” cho nhau bằng bất cứ giá nào (Hofstede, 2005). Chính vì thế, họ thường tránh bày tỏ ý kiến cá nhân trong lớp một cách thẳng thắn để tránh gây ra việc xấu hổ hay hạ thấp mình hoặc người khác (Ting Toomey, 1988; Cocroft and Ting Toomey, 1994; Tsui, 1996). Chính những yếu tố này đã cản trở sự phát triển của tư duy phản biện trong nền giáo dục Việt Nam, dẫn đến nền giáo dục thường xuyên bị đánh giá thấp trên phương diện này.

2.2.3 Nho giáo và truyền thống “Tôn sư trọng đạo” trong Nho giáo

Nho giáo (Confucianism), còn gọi là đạo Nho hay đạo Khổng (Nhon đạo) là hệ thống đạo đức, triết học xã hội, triết lý giáo dục và triết học chính trị do Khổng Tử đề xuất và được các môn đồ của ông phát triển bao gồm các chuẩn mực về cách đối nhân xử thế, phù hợp với quy chuẩn đạo đức nhằm đạt đến mục tiêu cuối là xây dựng một xã hội hài hòa, đất nước thái bình, thịnh vượng. Sinh ra trong thời buổi “thiên hạ đại loạn”, không có kỉ cương, Khổng Tử chủ trương lập lại thể chế pháp luật, kỷ cương thời nhà Chu. Những tư tưởng được Khổng Tử cho là của các thiên thánh được ông hệ thống hóa làm nền tảng cho học thuyết Nho giáo. Sau khi tham gia vào trông coi, sắp đặt việc nước, Khổng Tử đã thi hành một số chính sách dựa trên học thuyết Nho giáo khiến nhân dân trở nên thuần phác hơn. Đối với Khổng Tử, ông đề cao vai trò của giáo dục để xã hội bình trị, ở đó “những người già cả đề được an vui, bạn bè tin cậy ta, và trẻ thơ đều được yêu thương, dạy dỗ” (Nguyễn Thị Thanh Vân, 2016). Theo Dung (2017), đứng trước một xã hội loạn lạc bởi chiến tranh, xung đột xã hội và sự xuất hiện của giai cấp thống trị hoàn toàn mới đã gia tăng tính phức tạp, hỗn loạn của xã hội. Với chủ trương giáo dục được tiếp cận tới mọi tầng lớp trong xã hội và nắm rõ được mưu cầu của con người về đất nước thái bình, thịnh trị, Nho giáo cũng đưa ra quan niệm xã hội lý tưởng, đó là một xã hội ổn định, thái bình, đại đồng, mọi người sống hòa thuận, gắn bó, bình đẳng được thiết lập và duy trì. Nho giáo lấy con người làm trung tâm. Ngay từ khi xuất hiện, Nho giáo đã có nhiều điểm đặc biệt và khác lạ so với tư tưởng của các tôn giáo khác, nhất là vấn đề con người. Nho giáo rất chú trọng dạy đạo làm người, giáo dục con người khiến cho con người từ ác thành thiện.

Vì lẽ đó, Nho giáo được xem như một học thuyết đạo đức – chính trị xã hội dạy về cách hành xử của một “Chính nhân quân tử” với mục đích giáo dục về tư cách của một người cai trị xã hội. Học thuyết “Nhân - Lễ - Chính danh” của Khổng tử được phát triển dựa trên nền tảng đường lối Đức trị và Lễ trị đã tồn tại từ thời nhà Chu, với mục tiêu trọng tâm của Nho giáo là sự thịnh vượng của xã hội. Trong học thuyết của Khổng tử, ba phạm trù quan trọng nhất được giải thích như sau: “Nhân” là nội dung của học thuyết chính trị, “Lễ” là hình thức và “Chính danh” là con đường đạt tới điều “Nhân” (Vĩnh & Ngọc, 2015).

Trong 3 phạm trù chính của học thuyết Khổng tử, “Nhân” được xem là nhân tố trọng tâm, thể hiện tùy vào phẩm hạnh, năng lực và hoàn cảnh của cá thể. “Nhân” là chuẩn mực về đạo đức cơ bản quy định bản tính con người, biểu hiện ở mối quan hệ giữa con người với nhau.

Ta hiểu “Lễ” trong quan niệm của Khổng Tử vừa là lễ nghi, vừa là thể chế chính trị, vừa là quy phạm đạo đức. Vai trò của “Lễ” được đánh giá cao trong đời sống đạo đức và chính trị bởi quy chuẩn yêu cầu con người phải biết “kính trên nhường dưới” và hàm dưỡng nội tâm con người. Hay nói cách khác, “Lễ” đề cao cách đối nhân xử thế giữa con người với nhau và là mẫu mực về đạo đức để tâm hồn rèn luyện. Khổng tử nói: “Điều gì không phải thì đừng nhìn, không phải lễ thì đừng nghe, không phải lễ thì đừng nói, không phải lễ thì đừng làm”.

Trong bối cảnh thiên hạ đại loạn, các chuẩn mực, phép tắc trong xã hội bị coi thường, hành xử không đúng lễ nghĩa, học thuyết “Chính danh định phận”- tức Thuyết chính danh được Khổng tử đề ra làm tiền đề sắp xếp lại trật tự của xã hội. Dựa trên định nghĩa của Khổng tử về Thuyết chính danh: làm cho mọi việc ngay thẳng, đã nhấn mạnh ý thức về bổn phận của từng giai cấp trong xã hội. Theo đó, vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, vợ cho ra vợ, con cho ra con, ... Học thuyết “Chính danh định phận” yêu cầu xã hội phải quy củ theo từng bậc và hoàn thành đúng vai trò của mỗi cá thể trong hệ thống xã hội. Có như vậy thì mới hình thành bộ máy xã hội hoàn chỉnh và thiết lập trật tự xã hội. Với yêu cầu đó, mỗi cá nhân cần thực hiện đúng trách nhiệm của mình và không lạm quyền.

Tư tưởng nêu trên trong Nho giáo cũng là điều kiện tiên quyết, quan trọng cho sự ra đời của truyền thống “tôn sư trọng đạo” người Việt Nam ta. Truyền thống này đã đi sâu và gắn liền với các nền giáo dục Việt Nam từ trước đến nay. Vốn chịu nhiều ảnh hưởng từ văn hóa Nho gia xuất phát từ Trung Quốc – nơi mà vai trò của người lái đò luôn chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống phân cấp của tổ chức xã hội “Quân – Sư – Phụ”, tư tưởng “tôn sư trọng đạo” vốn đã ngấm sâu vào trong tư tưởng của con người Việt Nam mà trong đó người thầy tượng trưng cho những gì tôn kính nhất, đồng thời thể hiện sự thiêng liêng của mối quan hệ giữa người học và người dạy. "Tôn sư" nghĩa là tôn kính thầy. "Trọng đạo" nghĩa là coi việc học là ưu tiên, đề cao kiến thức. “Tôn sư” đi liền với “trọng đạo” nghĩa là tôn kính thầy cũng chính là coi trọng và thực hành những đạo lý thầy dạy. Truyền thống tôn sư trọng đạo đã thấm nhuần trong tiềm thức của xã hội Việt Nam qua các câu ca dao, tục ngữ mà ở đó người giáo viên đóng vai trò trọng yếu trong việc giáo dục nhân cách con người. Họ là những người dẫn lối để học trò chạm đến sự toàn thiện cả về trí thức lẫn đạo đức và lối sống, dạy cho trò biết cách đối nhân xử thế, trở thành người có ích cho xã hội. Những câu ca dao, tục ngữ: “ Không thầy đố mày làm nên”, “Muốn sang thì bắc cầu Kiều; Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy” đã nhấn mạnh vai trò của người thầy. Thế nhưng, theo một số chuyên gia giáo dục, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, tư tưởng “tôn sư trọng đạo” đáng trân quý của dân tộc đã vô tình trở thành rào cản đối với học sinh, sinh viên ở Việt Nam trong việc chủ động tiếp cận tri thức, khó khăn trong việc tư duy và có góc nhìn khách quan, đa chiều trong mọi vấn đề. Theo triết gia Aristote, “Thầy là quý nhưng chân lý còn quý hơn thầy”. Ở Việt Nam, người thầy từ lâu đã được xem như là trung tâm của lớp học, tất cả những gì thầy nói trở thành “khuôn vàng thước ngọc” và học sinh sinh viên chỉ biết thụ động tiếp nhận và làm theo. Chính điều này đã khiến cho khả năng sáng tạo cũng như lối tư duy của học sinh Việt Nam bị hạn hẹp hơn rất nhiều. Bởi lẽ, mỗi học sinh là mỗi cá thể khác nhau, mang trong mình những năng lực khác nhau và có tính cách khác biệt. Thế nhưng, nền giáo dục Việt Nam lại bó buộc, gò ép học sinh vào một "chiếc khuôn mẫu", buộc tất cả các học sinh phải đáp ứng được những chuẩn mực đề ra. Chính

tư tưởng: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” đã khiến cho học sinh, sinh viên trở nên miễn cưỡng, e ngại trong việc cắt ngang bài giảng của giáo viên bằng cách đặt ra những câu hỏi, bày tỏ ý kiến, nhận định cá nhân. Bởi những hành động này, theo quan niệm của truyền thống “tôn sư trọng đạo” là những hành động thiếu tôn trọng đối với giáo viên, đi ngược lại với những thuần phong mỹ tục của Việt Nam, đáng bị chê trách. Từ đó sẽ dẫn đến một hệ lụy đó là học sinh sinh viên Việt Nam ngày càng trở nên thụ động, thiếu chính kiến, và cụ thể hơn là gặp hạn chế ở khả năng nhìn nhận, giải quyết vấn đề ở nhiều góc nhìn, nhiều khía cạnh hay còn được gọi là tư duy phản biện.

Nghiên cứu kỹ hơn vào ảnh hưởng của tôn sư trọng đạo tới tư duy phản biện của học sinh, ta cần xem xét vào tùy trường hợp, cụ thể hơn là vào thái độ của học sinh và giáo viên. Ranh giới giữa tư duy phản biện và vô lễ thật sự rất mong manh. Theo cựu Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo - nhà báo, luật sư Vũ Đình Hòa (1912-2011), ông đã có những phát biểu trong buổi nói chuyện ở Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005: “Là một giáo viên, hơn ai hết tôi biết hiện tại phần lớn giáo viên VN đều chưa có được cách ứng xử đúng đắn với học sinh, chưa quen nghe những lời cãi lại của học sinh. Tôi biết có những em thực hiện đúng như lời khuyên của cụ Hòa, là cãi lại bằng lý lẽ và lễ độ, nhưng đều bị chụp cho cái mũ “vô lễ”. Trong khi đó, tôi biết ở các nước tiên tiến, những lời cãi lại bằng lý lẽ và lễ độ của học sinh luôn được thầy cô khen ngợi và đánh giá cao. Ở trường sư phạm, các giáo viên tương lai chưa được huấn luyện để thể hiện bản lĩnh, để có thể nói những câu rất thẳng thắn, rất thật như: “Cảm ơn em. Em rất giỏi vì đã phát hiện cái sai của tôi”, hay: “Điều này tôi không biết. Hãy cho tôi thời gian để tìm hiểu và trả lời em sau”... Nhưng bên cạnh chuyện của giáo viên thì phía học sinh cũng lắm vấn đề. Đặc biệt ở lĩnh vực dạy ngoại ngữ, nhiều đồng nghiệp của tôi kể rằng nhiều em đi học thêm, biết được nhiều từ khó, ít phổ biến và thế là “đố” giáo viên. Ai không trả lời thì các em bĩu môi cho là kém! Quả là khó giữ bình tĩnh trước những em học sinh như thế.” Qua đó ta cũng thấy được, cả học sinh và giáo viên đều phải nỗ lực trong việc thay đổi phương pháp học tập cũng như giảng dạy để có thể cải thiện khả năng tư duy phản biện ở học sinh. Cụ thể, về phía giáo viên, cần phải có thái độ cởi mở và đón nhận ý kiến của học sinh cũng như nhìn nhận lại sai sót của mình khi học sinh góp ý, đồng thời, học sinh cũng cần phải thoát khỏi vùng an toàn của mình, sẵn sàng bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân khi có thắc mắc hoặc bất đồng ý kiến với giáo viên với thái độ đúng mực, lễ phép.

Mục đích của nghiên cứu này nhằm nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên, giáo viên đối với tầm quan trọng của tư duy phản biện. Cụ thể nghiên cứu cũng đi sâu tìm hiểu góc nhìn của học sinh, sinh viên, giáo viên Việt Nam đối với việc tư duy phản biện chịu ảnh hưởng bởi văn hóa thông qua bài khảo sát. Bằng các số liệu cụ thể, qua nhiều góc độ khác nhau, tầm ảnh hưởng của văn hóa được nghiên cứu kỹ lưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp và kết luận cho việc nâng cao năng lực tư duy phản biện dưới sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa ở các nước châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

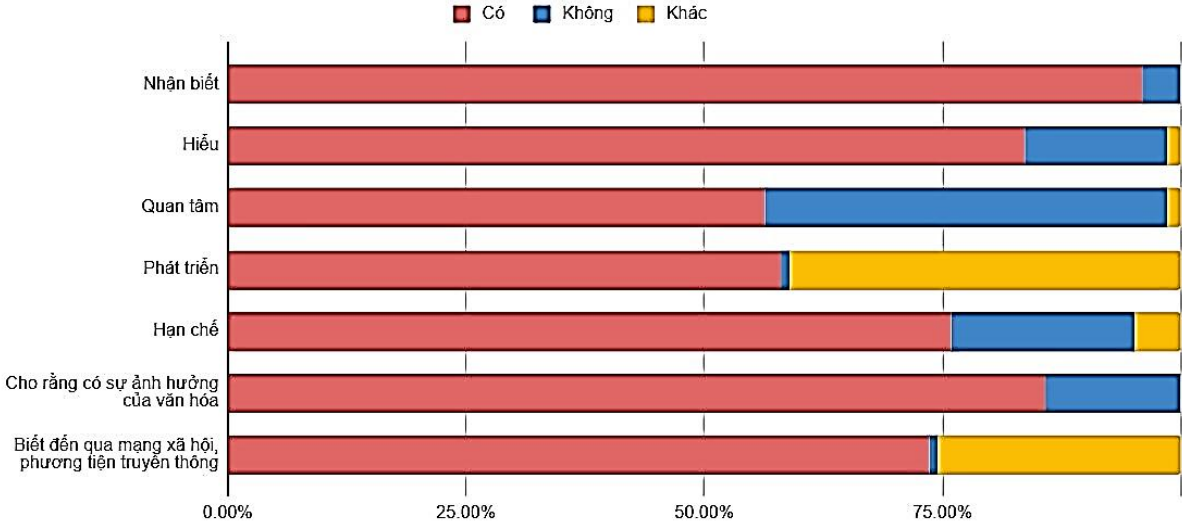
3. Những ảnh hưởng của văn hóa đến năng lực tư duy phản biện của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Để đánh giá sự tác động của nền văn hóa Việt Nam đến khả năng tư duy phản biện của sinh viên trên địa bàn TP HCM hiện nay, nhóm tác giả đã dựa trên phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để sử dụng nhằm khảo sát nhận thức của sinh viên về chủ đề tư duy phản biện. Thiết kế bộ câu hỏi trong bảng khảo sát được tác giả nghiên cứu, đọc tài liệu liên quan, xem xét và

cân nhắc mức độ phù hợp với đối tượng để thực hiện. Sau quá trình sàng lọc kỹ lưỡng và loại bỏ câu hỏi mang tính chuyên môn cao hay tính chung chung nhiều, tác giả đã lọc ra những câu hỏi đảm bảo sự phù hợp với chủ đề nghiên cứu và mang tính tối ưu hóa kết quả thu được.

Bảng hỏi Online thiết kế bằng Google Form định dạng Quiz được gửi đến sinh viên TP HCM. Bảng hỏi gồm 8 câu hỏi (sắp xếp từ mức độ nhận diện chung về Tư duy phản biện đến độ hiểu, quan tâm, hạn chế trong lối tiếp cận, nhìn chung về sự tương quan giữa văn hóa Việt với tư duy phản biện, trong môi trường giáo dục và mong muốn cải thiện và phát triển khả năng tư duy phản biện của bản thân). Khảo sát được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 25/09/2021 đến ngày 01/10/2021. Bảng câu hỏi không đánh giá trên thang điểm mà trên bức tranh toàn cảnh của đối tượng khảo sát.

Sau khi sàng lọc và loại bỏ những bài khảo sát không đảm bảo chất lượng và đạt yêu cầu, nhóm tác giả thu thập được dữ liệu của 350 bài đạt tiêu chuẩn. Biểu đồ Hình 1 dưới đây thể



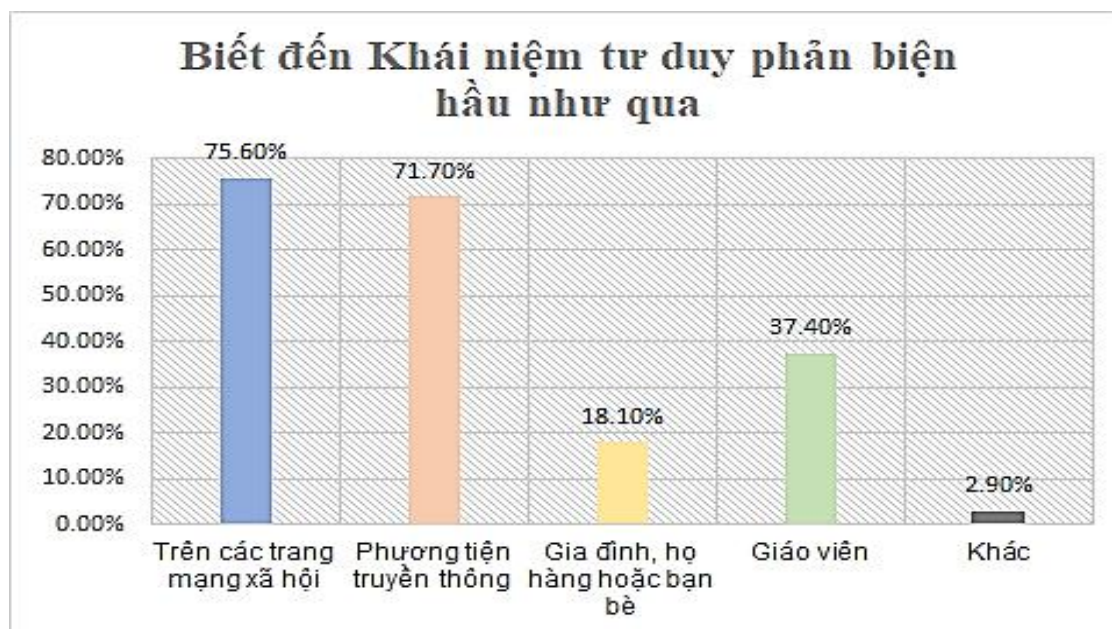
hiện bức tranh tổng thể của bài khảo sát.

Hình 2. Kết quả Khảo sát về nhận thức của sinh viên về chủ đề Tư duy phản biện

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả từ số liệu điều tra khảo sát

Theo số liệu thống kê, tỉ lệ đối tượng là sinh viên đã nghe qua khái niệm “tư duy phản biện” là 96% và chỉ có 4% chưa từng nghe đến. Số liệu trên cho thấy mức độ phổ biến của khái niệm. Về sự hiểu đúng về khái niệm so với con số đã nghe qua khái niệm trên có sự giảm nhẹ khoảng 12,4%. Dựa trên thống kê, cho thấy số lượng sinh viên nhầm lẫn khái niệm tư duy phản biện với khái niệm tranh luận là 15% và 1,4%. Mức độ quan tâm đến tư duy phản biện giảm tới 30% khi so với mức độ nhận biết, việc này chỉ ra rằng chỉ biết về khái niệm không kích thích được hứng thú của đối tượng và tư duy phản biện không được đặt vào thứ tự ưu tiên tìm hiểu của các bạn sinh viên của trường ở địa bàn khảo sát. Sự sẵn sàng tiếp nhận tư duy phản biện và cải thiện, đồng thời phát triển khả năng đó của bản thân qua học các khóa học liên quan chiếm hơn một nửa số lượng sinh viên tham gia khảo sát, giao động gần 58,1%. Bên cạnh, 41% vẫn còn đắn đo và suy nghĩ thêm, có thể học nếu có thời gian. 0,9% còn lại cho rằng tư duy phản biện không mang tính áp dụng khi xét đến tính thực tiễn nên không quan tâm. Tỉ lệ đối tượng khảo sát gặp hạn chế trong quá trình nâng cao khả năng tư duy phản biện và áp dụng vào thực tế là 75,9% và chỉ có 13,9% đã quen thuộc với lối tư duy này từ lâu. Số liệu

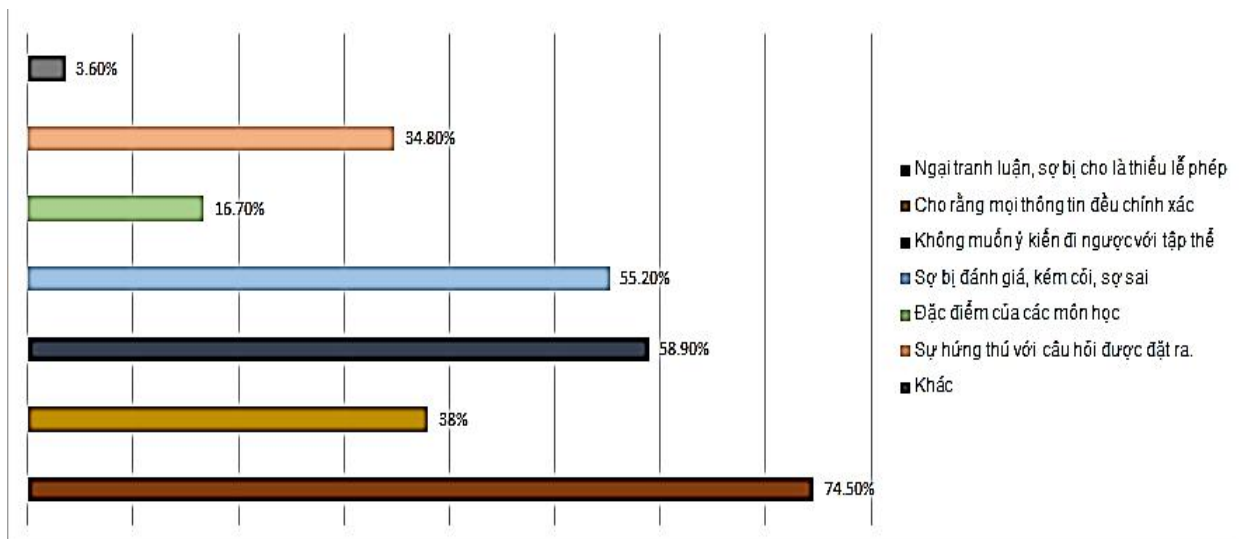
hiển thị sự chênh lệch về hiểu khái niệm và áp dụng được vào thực tiễn khái niệm. Các trang mạng xã hội, phương tiện truyền thông là nơi sinh viên được tiếp cận tư duy phản biện nhiều nhất với lần lượt 75,6% và 71,7% (Hình 2). Từ số liệu trình bày, cho thấy sự tiếp cận từ sinh viên đến với tư duy phản biện chưa có sự chọn lọc nguồn nhất định, tiếp nhận kiến thức về chủ đề trên nền thụ động.



Hình 3. Kết quả Khảo sát về phương tiện đối tượng nghe đến khái niệm “Tư duy phản biện”

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả từ số liệu điều tra

Về các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình tư duy phản biện trong môi trường giáo dục, xét trên kết quả thống kê thu thập được từ bảng hỏi gồm: (1) Ngại tranh luận với thầy cô vì như thế có thể bị thầy cô “ghim” hoặc cho là không lễ 74.5% (2) Không muốn một mình đi trái với tập thể mặc dù có ý kiến khác vì đa số lúc nào cũng đúng 58.9%. (3) Không muốn bị đánh giá, sợ bị cho là kém cỏi, sợ sai 54.2%. (4) Cho rằng tất cả những gì thầy cô truyền tải là hoàn toàn chính xác nên không cần phản biện 38%. (5) Sự hứng thú với các hoạt động, câu hỏi mà thầy cô đặt ra 34.8%. Kết quả chỉ ra rằng trong môi trường giáo dục, văn hóa tôn sư trọng đạo được đại đa số sinh viên đề cập; Đồng thời, mặc định những kiến thức thầy cô dạy đều đúng hay thái độ không dám cãi lại thầy cô; Bên cạnh, là yếu tố động lực thúc đẩy từ hoạt động và câu hỏi đặt ra từ giáo viên hoặc nhà trường tổ chức; Còn là sự chính chu và đầu tư kỹ lưỡng trong khâu giảng dạy của giảng viên nói riêng và toàn trường nói chung chưa trọn vẹn, chưa khuyến khích được tinh thần học hỏi, vấn đáp giữa thầy và trò.



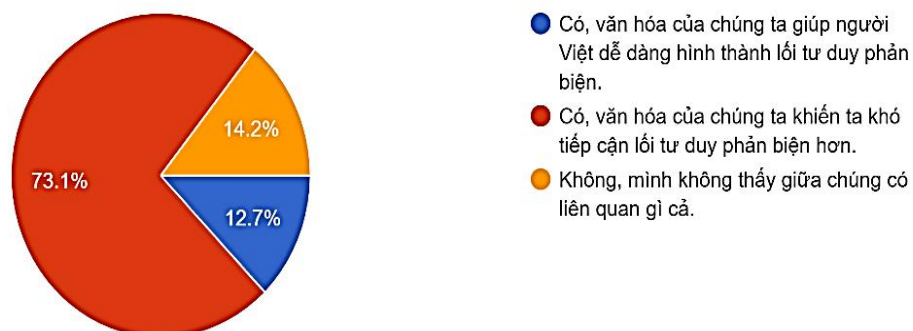
Hình 4: Kết quả phân tích Các yếu tố ảnh hưởng đến tư duy phản biện trong môi trường giáo dục

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả từ số liệu điều tra

Trả lời cho câu hỏi khảo sát: "Bạn đã từng nghĩ đến văn hóa của người Việt có ảnh hưởng đến lối tư duy của chúng ta không? Đặc biệt là tư duy phản biện?" Chỉ có 14,2% không thấy giữa chúng có liên quan. Trong tổng số bạn trả lời "có" thì có 73,1% tin rằng văn hóa khiến ta khó tiếp cận lối tư duy phản biện và 12,7% nghĩ rằng văn hóa người Việt giúp dễ dàng hình thành lối tư duy phản biện. Kết quả được minh họa trên Hình 4 nói riêng và Hình 1 nói chung cho thấy sự tương quan giữa mức độ hiểu tư duy phản biện và sự nhận diện về mối quan hệ giữa văn hóa và lối tư duy. Sự hiểu về khái niệm tư duy phản biện (Hình 1) giúp đối tượng khảo sát định hình được vấn đề, xác định được các nhân tố ảnh hưởng trong môi trường giáo dục (Hình 3), đồng thời phản ánh tầm quan trọng của văn hóa người Việt trong việc nâng cao năng lực tư duy phản biện. Số liệu trực quan từ góc nhìn tích cực về tư duy phản biện trong văn hóa Việt cho thấy sự nhầm lẫn về định nghĩa "dễ dàng hình thành lối tư duy phản biện" ở một bộ phận không đáng kể trên tổng thể khảo sát và cá nhân đối tượng. Phần lớn, mức độ quan tâm và phát triển bản thân khi đề cập đến Tư duy phản biện còn thụ động. Từ đây, có thể kết luận văn hóa của người Việt có tác động đến lối tư duy phản biện của người Việt.

Bạn có từng nghĩ đến việc văn hóa của người Việt có thể ảnh hưởng đến lối tư duy của chúng ta không? Đặc biệt là tư duy phản biện

353 responses



Hình 5: Kết quả Khảo sát suy nghĩ mối quan hệ giữa tư duy phản biện và văn hóa Việt.

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả từ số liệu điều tra

4. Kết luận và kiến nghị

Trong bối cảnh đất nước đang hội nhập và phát triển toàn diện, rõ ràng tư duy phản biện dần trở thành một phần không thể thiếu trong bộ kỹ năng cần thiết trong môi trường học đường và công việc. Các kết quả nghiên cứu của tác giả đã chỉ ra rằng những yếu tố văn hóa truyền thống Á Đông có những ảnh hưởng sâu sắc trong quá trình phát triển tư duy phản biện ở các sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên các kết quả nghiên cứu khác, ta cũng xác định được các cách thức tư duy phản biện của sinh viên Việt Nam là hình thức tư duy ngầm không thể hiện quy trình tư duy đó ra bên ngoài. Đó là tư duy đa chiều, tư duy sâu, đặt câu hỏi và trong đó mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh trở nên bình đẳng (Hye-Kyung Kim, 2003, *Critical Thinking, Learning and Confucius: A Positive Assessment*). Sinh viên rất hay áp dụng triết lý sống “Trung dung” (the middle way). Theo đó, sinh viên thường tiếp cận vấn đề theo phản xạ tiềm thức (cognitive reflection), ôn hòa, tạo không gian cho nhiều ý kiến, ý tưởng khác nhau. Thế nên, thay vì đặt bản thân mình vào các cuộc tranh luận sinh viên Việt Nam nói riêng thường chủ động tiếp thu và thấu hiểu ý kiến của người khác để từ đó tìm tòi, phân tích đưa ra những kết luận mang tính trực quan, tổng quát của vấn đề. Kết quả của nghiên cứu cũng tương thích với những nhận định của Yoneyama (2012) và Clinchy (1994), theo đó tư duy phản biện không chỉ là về tư duy logic, mà nó còn là sự kết hợp có chủ đích hài hòa giữa những người tranh luận với nhau, nói cách khác, họ thấu hiểu ý kiến của người khác thông qua sự thấu hiểu ý kiến của chính bản thân họ.

Các kết quả nghiên cứu có thể được ứng dụng trong các chính sách đổi mới định hướng giáo dục, hướng tới việc thiết lập nên một nền giáo dục phù hợp với sinh viên để qua đó có thể giúp cho sinh viên có điều kiện được rèn luyện khả năng tư duy phản biện của bản thân. Tuy nhiên, nghiên cứu cần sự khảo sát trên quy mô rộng hơn để có thể đưa ra được một cái nhìn khách quan, chính xác hơn về tình hình chung của hình thức tư duy này. Thế nhưng, nghiên cứu cũng đã đưa ra được cái nhìn tổng quát về cách thức tư duy phản biện ở sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; và cách sinh viên đối mặt với các yếu tố văn hóa để tạo lập nền tảng tư duy phản biện cho bản thân mình.

Một là, mỗi sinh viên cần tập trung rèn luyện nhằm trau dồi tri thức của bản thân bằng cách tích cực tiếp thu kiến thức thông qua quá trình học tập trên trường lớp cũng như quá trình tự học, thu nạp kiến thức chuyên môn trong không chỉ ở lĩnh vực chuyên ngành mình sinh viên đang học mà còn ở các lĩnh vực khác, không thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình. Từ đó, sinh viên sẽ linh hoạt hơn trong tư duy khi phải giải quyết các vấn đề khác nhau với sự hiểu biết và lượng kiến thức tổng quát, đa dạng trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Kiến thức sẽ là điều kiện cần để cho sinh viên có thể thực hiện những hình thức tư duy sâu hơn về vấn đề mình đang gặp phải.

Hai là, sinh viên cần rèn luyện thói quen quan sát, suy ngẫm và đặt câu hỏi cho bất kỳ vấn đề hay sự việc nào trong cuộc sống. Sinh viên có thể áp dụng phương pháp 5W1H trong cách đặt câu hỏi với bản thân bắt đầu bằng: What - When - Where - Why - Who - How, và bắt đầu tìm kiếm lời giải đáp cho từng câu hỏi mà bản thân mình vừa đặt ra. Việc đưa ra những nghi hoặc của bản thân sẽ giúp cho sinh viên nhìn nhận vấn đề từ các góc độ khác nhau để từ đó

từng bước phân tích, thấu hiểu được bản chất thực sự của vấn đề. Có thể nói việc đặt ra những câu hỏi sẽ góp phần hỗ trợ quá trình tư duy trở nên trơn tru hơn và rõ ràng hơn. Việc trả lời từng câu hỏi mình đặt ra sẽ giúp bạn sẽ dần làm rõ được bản thân vấn đề và mục đích cuối cùng của vấn đề đó.

Ba là, sinh viên nên rèn luyện và hình thành cho mình một cái nhìn khách quan, không nên để sự cảm tính và cái nhìn phiến diện chi phối bản thân trong quá trình nhìn nhận và giải quyết vấn đề. Theo Stephen Brookfield (1987) và Eileen Gambrill (2005,2006), cảm xúc là một trong những nhân tố ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình tư duy phản biện của con người. Phải biết chấp nhận, thấu hiểu những ý kiến khác nhau, để từ đó tích góp, thu nhặt để có thể đi đến một kết luận cuối cùng cho một vấn đề. Khi nhìn sự việc dưới góc nhìn khách quan, lí tính, sinh viên sẽ có được những lập luận sắc bén, từ đó đánh giá và giải quyết bất kỳ vấn đề nào một cách chuẩn xác hơn và logic hơn.

Tài liệu tham khảo

- Berry, J. W., Segall, M. H. & Kagitcibasi, C. (1997), “Handbook of Cross-Cultural Psychology, Volume 3: Social Behavior and Applications (2nd Edition)”
- Chau, L. & Cunningham, A. (2021), “Thinking Outside the Box (Below and Above it, Too): Perspectives toward critical thinking in TESOL in Vietnam”, *Journal of English Language Teaching and Applied Linguistics*, Vol. 3 No. 4, pp. 09 – 17.
- Dung, N.T. (2020), “Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và những giá trị, hạn chế của nó”, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội.
- Durkin, K. (2008), “The adaptation of East Asian masters students to western norms of critical thinking and argumentation in the UK”, *Intercultural Education*, Vol. 19 No. 1, pp. 15 – 27.
- Đào, T.P. (2015), “Tính tập thể và tính cá nhân trong giao tiếp liên văn hóa”.
- Egege, S. & Salah, K. (2004), “Critical Thinking: Teaching Foreign Notions to Foreign Students”, *International Education Journal*.
- Geert, H. & Gert, J.H. (1991), “Cultures and Organizations: Software of the mind”, Vol. 16 No. 4, pp. 455.
- Hofstede, G. (2011), “Dimensionalizing Cultures: The Hofstede Model in Context”, *Online Readings in Psychology and Culture*, Vol. 2 No. 1.
- Moosavi, L. (2020). ““Can East Asian Students Think?”: Orientalism, Critical Thinking, and the Decolonial Project”, *Education Sciences*, Vol. 10 No. 10, pp. 286.
- Ngô, T.H.Y (2020), “Phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên trong thời đại công nghiệp 4.0”, *Khoa học và công nghệ QUI*, pp. 39 - 42.
- Nguyễn, T.H. (2017), *Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học*, Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai.

- Nguyễn, T.T.B. (2016), “Critical thinking in a Vietnamese tertiary English as a Foreign Language context”, luận án Tiến sĩ, Đại học Kỹ thuật Sydney. <https://opus.lib.uts.edu.au/bitstream/10453/90067/2/02whole.pdf>
- Tilbury, S., Osmond, J. & Scott, T. (2010), “Advances in Social Work and Welfare Education”, *Teaching critical thinking in social work education: a literature review*.
- Thủy, N.T. (2021), “Tìm hiểu học thuyết chính danh của Khổng Tử”, <http://www.tctph.gov.vn/modules.php?name=Noisan&id=32>, truy cập 15/12/2021.
- Triandis, C.H. (1995), Individualism And Collectivism, *Westview Press*.
- Vĩnh, H.N & Ngọc, H.T.N. (2015), “Nho giáo, một cội nguồn văn hóa phương Đông trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học Huế*, Vol. 3 No. 2, pp. 121 - 127.